

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **183/2017/HC-PT**

Ngày: 06/7/2017

*V/v : Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán:

1. Ông Lương Đức Chính

2. Bà Lê Thị Thúy Bình

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký
Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị
Minh Hải, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà
Nội, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm
công khai vụ án hành chính thụ lý số 22/2016/TLPT-HC ngày 02 tháng
10 năm 2015, do có kháng cáo của Người khởi kiện đối với bản án hành
chính sơ thẩm số 01/2015/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Toà án
nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1923/2017/QĐ-PT ngày 22
tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện: Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển P.**

Địa chỉ: Km 100 + 11, đường Tỉnh lộ 4, thị trấn T, huyện C, tỉnh Hà
Tĩnh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng T1, chủ tịch Hội đồng quản trị. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần Quang V, trợ lý chủ tịch Hội đồng quản trị công ty; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: Tập thể M, quận H, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền ngày 12/12/2016). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Đắc T2, Luật sư công ty Luật trách nhiệm hữu hạn A1 thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Luật sư Trung Thị K, Luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn A2 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Luật sư Vũ Văn L, Luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn A3 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Luật sư Phan Văn H1, Luật sư Văn phòng luật sư A4 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

*** Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.**

Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc S – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền số 6165/GUQ-UBND ngày 20/11/2016). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

- Ông Võ Tá Đ – Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Trần Xuân T3 – Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Ông Hoàng Văn S1 – Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Ông Phạm Đăng N1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện:

Ông Phạm Danh T4 – Luật sư của Văn phòng luật sư Danh Tín thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN, KHÁNG CÁO:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển P (viết tắt Công ty P) trình bày: Công ty P do ông Nguyễn Trọng T1, quốc tịch Canada là chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện theo pháp luật của Công ty, được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 10/9/2010 với ngành nghề chính là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vốn điều lệ là 160.000.000.000đ.

Ngày 18/11/2010, Công ty P được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000081, được phép đầu tư xây dựng khu du lịch Bắc P với tổng số vốn 10.289 tỷ đồng (trong đó giai đoạn 1 từ năm 2010 đến năm 2013 với 289 tỷ đồng; giai đoạn hai từ năm 2014 đến năm 2017 với 10 ngàn tỷ đồng), trên tổng diện tích đất là 266.43 ha; thời hạn thực hiện dự án là 50 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Theo Điều 6 của Giấy chứng nhận đầu tư và Bản cam kết số 6 của chủ đầu tư cam kết về tiến độ thực hiện dự án như sau:

- Từ quý IV/2010 đến quý II/2011: Thành lập Ban quản lý dự án; hoàn thành bồi thường, giải phóng và san lấp mặt bằng; lập và hoàn thiện quy hoạch chi tiết 1/500; khảo sát lập bản đồ hiện trạng, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, rà phá bom mìn;

- Từ quý III/2011 đến quý III/2012: Xây dựng hạ tầng của dự án (đường giao thông, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy, chữa cháy, hệ thống điện, hệ thống thông tin truyền thông); đồng thời tiến hành triển khai một số hạng mục: Xây dựng bãi tắm ven biển, khu resort ven biển,

khu bán hàng ven biển, xây dựng khu nhà cao tầng, khu khách sạn 04 sao từ 12-15 tầng, khu biệt thự cao cấp ven hồ.

- Từ quý IV/2012 đến quý IV/2013: Xây dựng và hoàn thành tất cả các hạng mục còn lại của dự án giai đoạn 1, đưa vào hoạt động 100%.

Ngày 04/8/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường (viết tắt TNMT) tỉnh Hà Tĩnh đã có biên bản bàn giao đất tại thực địa cho Công ty P với tổng diện tích (đợt 1) là 676.253,2m² tại thôn S2, thị trấn T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh để sử dụng vào mục đích xây dựng khu du lịch B. Thời hạn sử dụng từ ngày 05/7/2011 đến ngày 18/11/2060; hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Ngày 20/12/2013, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 4160/QĐ-UBND về việc « Chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000081 ngày 18/11/2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp cho Công ty P » với lý do nhà đầu tư không đảm bảo tiến độ như đã cam kết, vi phạm quy định tại Điều 64 và Điều 65 Luật Đầu tư.

Ngày 25/12/2013, UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định số 4221/QĐ-UBND về việc thu hồi 676.253,2m² đất của Công ty P, giao cho UBND thị trấn T quản lý.

Ngày 22/01/2014, Công ty P khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, nội dung:

Các căn cứ để thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và thu hồi đất không thuyết phục. Công ty không vi phạm các quy định của Luật Đầu tư bởi vì sau khi Công ty P được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty đã tiến hành triển khai dự án theo từng hạng mục như: Điều chỉnh quy hoạch, giải phóng mặt bằng; xây dựng khu tái định cư; rà phá bom mìn, ký hợp đồng thi công các hạng mục công trình với các nhà thầu thi công v.v.....

Trong quá trình triển khai dự án, Công ty đã nhiều lần làm công văn gửi UBND tỉnh và các sở, ban ngành liên quan báo cáo tình hình triển khai dự án, trình bày về những khó khăn vướng mắc. Đặc biệt, việc đề nghị được điều chỉnh, bổ sung quy hoạch của dự án Khu du lịch Bắc P nhưng phải hơn một năm sau, tức ngày 23/12/2011, UBND tỉnh mới ra Quyết định số 4135/QĐ- UBND phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch sử dụng đất khu du lịch Bắc P. Theo quy định tại Điều 51, 52 của Luật Đầu tư thì UBND tỉnh

Hà Tĩnh phải điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đầu tư theo đúng quy định pháp luật nhưng do điều chỉnh muộn nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Cũng trong thời gian này, Công ty đã gửi tới UBND tỉnh xin phép được làm lễ khởi công vì đây là dự án rất lớn đối với tỉnh Hà Tĩnh. Trong giai đoạn 1 của dự án, Công ty đã đền bù 114 ha đất; tổng số tiền Công ty đã đầu tư gần 200 tỷ đồng.

Công ty P không vi phạm điều 64, 65 của Luật Đầu tư và Điều 6, 8, 9 của Giấy chứng nhận đầu tư; UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, thu hồi đất là vi phạm pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

- Hủy Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000081 cấp cho Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển P.

- Hủy Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thu hồi đất;

- Buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000081 theo đúng nội dung đã được phê duyệt tại quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khu du lịch Bắc P.

* Người bị kiện trình bày: UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quyết định chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với Công ty P là hoàn toàn có căn cứ theo quy định của pháp luật về thẩm quyền cũng như căn cứ, trình tự, thủ tục ban hành quyết định. Trong đó, về căn cứ thu hồi là do nhà đầu tư vi phạm cam kết về tiến độ thực hiện dự án theo nội dung 6 và 8 của cam kết đầu tư tại Báo cáo số 06/BC-CT; vi phạm Điều 10 Giấy chứng nhận đầu tư và theo khoản 2 Điều 65 của Luật Đầu tư, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Công ty P vi phạm tiến độ lập quy hoạch, cụ thể:

Theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư thì nhà đầu tư phải lập và hoàn thiện quy hoạch trong thời gian từ quý IV/2010 đến quý II/2011, nhưng đến ngày 21/10/2011 (sau gần 01 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư) Sở Xây dựng mới nhận được Tờ trình số 43/TTr-CT ngày 21/10/2011 đề

ngiht điều chỉnh quy hoạch của nhà đầu tư. Trước thời điểm này UBND tỉnh cũng như các Sở, ban ngành không nhận được văn bản nào của Công ty đề nghị điều chỉnh quy hoạch; tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin điều chỉnh quy hoạch thì đã chậm 03 tháng 21 ngày so với tiến độ cam kết hoàn thành là quý II/2011.

Thứ hai: Nhà đầu tư chưa hoàn thành công tác lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Theo tiến độ quy hoạch tại Điều 6 Giấy chứng nhận đầu tư và Bản cam kết tiến độ số 06/BT-CT của nhà đầu tư thì thời gian hoàn thành báo cáo đánh giá tác động môi trường phải trước quý II/2011. Đến thời điểm chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư (ngày 20/12/2013) nhà đầu tư vẫn chưa hoàn thành tác động môi trường theo quy định, việc chậm trễ là do lỗi hoàn toàn của nhà đầu tư.

Theo quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 8 của Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp phép xây dựng và quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường thì quyết định phê duyệt tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng. Đến tháng 12/2013 nhà đầu tư vẫn chưa có Quyết định phê duyệt tác động môi trường thì chưa đủ điều kiện để được cấp phép xây dựng. Do đó, có thể khẳng định nhà đầu tư không có khả năng thực hiện tiến độ giai đoạn 1 như đã cam kết. Việc nhà đầu tư tiến hành xây dựng kè và đường dạo mát khi chưa được cấp phép xây dựng và chưa được giao đất là vi phạm khoản 1 Điều 5 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ về cấp phép xây dựng.

Phía người bị kiện không thừa nhận tính pháp lý của Bản cam kết ngày 11/11/2010 do Công ty P xuất trình mà khẳng định quá trình cấp phép đầu tư các cơ quan quản lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh chỉ nhận được Bản cam kết số 6 của Công ty P và chỉ có Bản cam kết số 6 mới là văn bản có giá trị pháp lý vì nó gắn với Giấy chứng nhận đầu tư, phù hợp với Điều 11 của Giấy chứng nhận đầu tư.

Về nội dung Biên bản làm việc ngày 16/8/2013 chỉ là ý kiến cá nhân của cán bộ chuyên môn đơn thuần chứ không phải là ý kiến đại diện lãnh đạo các sở, ngành; những cán bộ này chưa nắm bắt hết được cả quá trình

triển khai dự án, về các nội dung nhà đầu tư đã cam kết nên chưa phản ánh khách quan, toàn diện về tình hình thực hiện dự án; những nguyên nhân khách quan và chủ quan của việc chậm tiến độ. Do đó, UBND tỉnh Hà Tĩnh phủ nhận tính pháp lý của các ý kiến trên và khẳng định việc chậm tiến độ là do lỗi chủ quan của Công ty P. UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quyết định chấm dứt hoạt động dự án thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư là xem xét toàn diện năng lực triển khai thực hiện dự án, về nhiều nội dung vi phạm cam kết chứ không phải chỉ căn cứ vào vấn đề giải phóng mặt bằng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HCST ngày 24/7/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định :

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty P về yêu cầu hủy Quyết định số 4160/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc «Chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư».

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty P về yêu cầu hủy Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thu hồi đất;

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty P buộc UBND tỉnh Hà Tĩnh điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000081 ngày 18/11/2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh theo đúng nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/8/2015, Công ty P kháng cáo yêu cầu hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HC-ST ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, lý do: Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Bản án không đúng pháp luật và vi phạm tố tụng, cụ thể: Việc phân công, thay đổi thẩm phán giải quyết vụ án không đúng quy định Luật tố tụng hành chính, quá trình giải quyết thẩm phán chủ tọa liên tục bỏ ra ngoài (khoảng 30 phút). Tại phiên tòa người khởi kiện cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét tài liệu chứng cứ do người khởi kiện cung cấp, tài liệu trong vụ án không phải là tài liệu gốc.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Công ty P và Công ty P đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, hủy các quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh; rút phần kháng cáo về tố tụng.

Đại diện UBND tỉnh Hà Tĩnh, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

- Tuân theo pháp luật của Thẩm phán Hội đồng xét xử: Đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết hết các vấn đề có trong vụ án như chưa tiến hành xem xét, thẩm định giá tài sản, có nhiều tài liệu, chứng cứ còn mâu thuẫn nhưng chưa được xem xét giải quyết, chưa xác định lỗi của Công ty P và lỗi của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo trình tự, thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, các Luật sư thấy:

[1]. Xét thủ tục, trình tự cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

Theo Khoản 2 Điều 46 Luật Đầu tư năm 2005 thì hồ sơ đăng ký đầu tư bao gồm: “*Văn bản về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật này; Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư; Hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng BCC; Điều lệ doanh nghiệp (nếu có)*”. Theo khoản 3 Điều 45 quy định “*Nội dung đăng ký đầu tư bao gồm:*

- a) *Tư cách pháp lý của nhà đầu tư;*

- b) *Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện dự án đầu tư;*

c) *Vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án;*

d) *Nhu cầu sử dụng đất và cam kết về bảo vệ môi trường;*

đ) *Kiến nghị ưu đãi đầu tư (nếu có)”*

Và theo quy định Điều 18 và khoản 4 Điều 22 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 thì chỉ được cấp phép đầu tư khi có báo cáo đánh giá tác động môi trường. Việc UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư không có báo cáo đánh giá tác động môi trường là không đúng. Tuy nhiên, việc Công ty P cho rằng cấp Giấy chứng nhận đầu tư không có báo cáo đánh giá tác động môi trường không có giá trị thực hiện không có cơ sở, bởi lẽ chính Công ty P có Bản cam kết số 06, thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và đã khởi công thực hiện một số hạng mục cần thiết của dự án.

Công ty P cho rằng Bản cam kết số 06 của Công ty chưa ghi ngày, tháng, năm thì đồng nghĩa với việc chưa có thời điểm phát hành và thời điểm thực hiện (*tức là nó không có giá trị thực hiện và đương nhiên không hợp lệ*) không có cơ sở, vì cam kết này phù hợp với Điều 6 của Giấy chứng nhận đầu tư. Theo Điều 6 của Giấy chứng nhận đầu tư và Bản cam kết số 6 của chủ đầu tư cam kết về tiến độ thực hiện dự án. Công ty P phải có trách nhiệm thực hiện theo Điều 6 của Giấy chứng nhận đầu tư, cam kết chỉ là văn bản chứng minh Công ty P đang và sẽ thực hiện theo đúng Điều 6 của Giấy chứng nhận đầu tư. Như vậy, Công ty P phải thực hiện đúng hạng mục, thời hạn cam kết theo Giấy chứng nhận đầu tư là có cơ sở.

[2]. Quy định về thời hạn thực hiện của Giấy chứng nhận đầu tư:

Theo Điều 6 của Giấy chứng nhận đầu tư và Bản cam kết số 6 của chủ đầu tư cam kết về tiến độ thực hiện dự án như sau :

« - Từ quý IV/2010 đến quý II/2011: Thành lập Ban quản lý dự án; hoàn thành bồi thường, giải phóng và san lấp mặt bằng; lập và hoàn thiện quy hoạch chi tiết 1/500; khảo sát lập bản đồ hiện trạng, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, rà phá bom mìn;

- Từ quý III/2011 đến quý III/2012: Xây dựng hạ tầng của dự án (đường giao thông, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy, chữa cháy, hệ thống điện, hệ thống thông tin truyền thông); đồng thời tiến hành triển khai một số hạng mục: Xây dựng bãi tắm ven biển, khu resort ven biển,

khu bán hàng ven biển, xây dựng khu nhà cao tầng, khu khách sạn 04 sao từ 12-15 tầng, khu biệt thự cao cấp ven hồ.

- Từ quý IV/2012 đến quý IV/2013 : Xây dựng và hoàn thành tất cả các hạng mục còn lại của dự án giai đoạn 1, đưa vào hoạt động 100% ».

Như vậy, có thể phân các nhóm hạng mục hoàn thành theo thời gian cụ thể như sau:

+ Nhóm I: Các hạng mục hoàn thành từ quý IV/2010 đến quý II/2011, bao gồm: Thành lập Ban quản lý dự án; hoàn thành bồi thường, giải phóng và san lấp mặt bằng; lập và hoàn thiện quy hoạch chi tiết 1/500.

+ Nhóm II: Từ quý III/2011 đến quý III/2012: Xây dựng hạ tầng của dự án (đường giao thông, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy, chữa cháy, hệ thống điện, hệ thống thông tin truyền thông); đồng thời tiến hành triển khai một số hạng mục: Xây dựng bãi tắm ven biển, khu resort ven biển, khu bán hàng ven biển, xây dựng khu nhà cao tầng, khu khách sạn 04 sao từ 12-15 tầng, khu biệt thự cao cấp ven hồ nhưng không quy định thời hạn hoàn thành.

+ Nhóm III: Các hạng mục hoàn thành từ quý IV/2012 đến quý IV/2013, bao gồm: Khảo sát lập bản đồ hiện trạng, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, rà phá bom mìn hoàn thành quý IV/2012 đến quý IV/2013 xây dựng và hoàn thành tất cả các hạng mục còn lại của dự án giai đoạn 1, đưa vào hoạt động 100%.

[3]. Ngày 04/8/2011, Sở TNMT tỉnh Hà Tĩnh đã có biên bản bàn giao đất tại thực địa cho Công ty P với tổng diện tích (đợt 1) là 676.253,2m² tại thôn S2, thị trấn T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh để sử dụng vào mục đích xây dựng khu du lịch B . Thời hạn sử dụng từ ngày 05/7/2011 đến ngày 18/11/2060. Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Ngày 23/12/2011, UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định 4135/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất khu du lịch B, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, theo quyết định này, diện tích quy hoạch 266,43 ha, không điều chỉnh các quy hoạch về cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Theo quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư thì « ...*Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư bao gồm các nội dung về tình hình thực hiện dự án, lý do điều chỉnh, những thay đổi so với nội dung đã thẩm tra.*

2. *Cơ quan Nhà nước quản lý đầu tư thông báo cho nhà đầu tư việc điều chỉnh chứng nhận đầu tư trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

3. *Việc điều chỉnh dự án đầu tư được thực hiện dưới hình thức điều chỉnh, bổ sung nội dung vào Giấy chứng nhận đầu tư”.*

Theo quy định này thì Công ty P đã thực hiện hồ sơ điều chỉnh bổ sung quy hoạch sử dụng đất khu du lịch Bắc P và đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định 4135/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất khu du lịch B nhưng UBND tỉnh Hà Tĩnh vẫn chưa thực hiện điều chỉnh, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đầu tư; vì vậy, ảnh hưởng đến hoàn thành thủ tục giấy tờ và thực hiện dự án.

[4]. Xét quá trình thực hiện dự án:

- Theo nhóm I : Các hạng mục hoàn thành từ quý IV/2010 đến quý II/2011, bao gồm: Thành lập Ban quản lý dự án; hoàn thành bồi thường, giải phóng và san lấp mặt bằng; lập và hoàn thiện quy hoạch chi tiết 1/500 thấy:

+ Về trách nhiệm thành lập Ban quản lý dự án: Hai bên đương sự đều thừa nhận thực hiện theo đúng tiến độ cam kết.

+ Về trách nhiệm lập và hoàn thành quy hoạch chi tiết 1/500 thì hai bên đương sự xác định không thực hiện theo đúng tiến độ, nguyên nhân chưa hoàn thành quy hoạch chi tiết 1/500 một phần do phía Công ty P và một phần do UBND tỉnh Hà Tĩnh, vì ngày 23/12/2011, UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định 4135/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất khu du lịch B nhưng vẫn chưa điều chỉnh, bổ sung nội dung vào Giấy chứng nhận đầu tư.

+ Về trách nhiệm hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng:

Theo Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 UBND tỉnh Hà Tĩnh thu hồi, cho thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, thu hồi 111.557,7 m² đất tại thôn S2, thị trấn T giao cho Công ty P thuê (đợt 1) 676.253,2 m², thời hạn thuê đến ngày 18/11/2060. Nếu sau thời hạn 12 tháng

liền mà không đưa đất vào sử dụng hoặc tiến độ sử dụng đất chậm hơn 24 tháng so với thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư từ khi nhận bàn giao đất thì UBND sẽ thu hồi và không hoàn trả chi phí. Đồng thời quy định trách nhiệm của Công ty P trong việc lập hồ sơ và trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành của tỉnh Hà Tĩnh, trong đó có trách nhiệm của Sở TNMT phê duyệt đánh giá tác động môi trường của dự án.

Phía Công ty P cho rằng, việc chậm tiến độ không phải do lỗi của Công ty vì tại Biên bản kiểm tra ngày 10/5/2013 liên tịch, thấy: «Dự án chậm do công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, công tác lập và điều chỉnh quy hoạch mất nhiều thời gian». Theo Ban quản lý khu du lịch P thì: Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khó khăn do 100% số dân thuộc giáo dân, người dân không đồng tình; còn UBND huyện C lý do chưa bàn giao tiếp mặt bằng là do vướng mắc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đề nghị các ngành tạo điều kiện sớm hoàn thành thủ tục giao đất; Theo Sở TNMT thì UBND tỉnh Hà Tĩnh cho Công ty P thuê 67,625 ha, tuy nhiên số diện tích bàn giao chủ yếu nằm trong giai đoạn 2 của dự án. Sở Xây dựng cho rằng: Các diện tích đất của các hạng mục thuộc giai đoạn 1 được giao khoảng 8,19 ha, nguyên nhân chậm tiến độ do công tác đền bù giải phóng mặt bằng, hồ sơ thủ tục và việc bàn giao đất giai đoạn 1 chậm. Tại Biên bản họp liên ngành về kết quả kiểm tra dự án ngày 16/8/2013, ông Nguyễn Hoàng Sơn – Phó chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh kết luận nguyên nhân chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng và bàn giao đất, việc bàn giao với tiến độ trong Giấy chứng nhận đầu tư chưa phù hợp, chủ đầu tư chưa chủ động phối hợp với các ngành, địa phương; năng lực của Ban quản lý dự án còn yếu. Tại Công văn 3289/TCQLĐ-CSPC ngày 13/12/2013 của Tổng cục quản lý đất đai thì giải phóng mặt bằng 96,5/266,42 ha, cơ quan của tỉnh thiếu kiểm tra đôn đốc.

Tại Báo cáo số 3406/BC-ĐTT ngày 20/12/2013 của Đoàn thanh tra về việc quản lý, sử dụng đất của Công ty P kết luận: Việc chậm tiến độ do trách nhiệm của Công ty P và trách nhiệm của các cơ quan quản lý. Tuy nhiên, chưa làm rõ trách nhiệm cụ thể của mỗi bên nhưng kiến nghị UBND tỉnh Hà Tĩnh thu hồi đất và chấm dứt hoạt động đầu tư. Cùng ngày 20/12/2013, UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định số 4160/QĐ-UBND về việc «Chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư».

Tại phiên tòa Công ty P cho rằng công ty chuyển tiền thực hiện giải phóng mặt bằng đúng tiến độ, vì căn cứ vào bản Báo cáo số 940/UBND-HĐGPMB ngày 17/10/2012, Công văn số 06 ngày 18/7/2013 của UBND huyện C thì đều xác định Công ty P đã hoàn thành việc chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng. Phía UBND tỉnh Hà Tĩnh cho rằng Công ty P thực hiện chuyển tiền theo tiến độ là không đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm không thẩm tra xác minh làm rõ lỗi chậm tiến độ thuộc về Công ty P hay trách nhiệm của các cơ quan quản lý mà căn cứ vào Báo cáo của Đoàn thanh tra (phía bị đơn) để bác yêu cầu của Công ty P là không khách quan.

- Theo nhóm II: Từ quý III/2011 đến quý III/2012: Xây dựng hạ tầng của dự án (đường giao thông, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy, chữa cháy, hệ thống điện, hệ thống thông tin truyền thông); đồng thời tiến hành triển khai một số hạng mục: Xây dựng bãi tắm ven biển, khu resort ven biển, khu bán hàng ven biển, xây dựng khu nhà cao tầng, khu khách sạn 04 sao từ 12-15 tầng, khu biệt thự cao cấp ven hồ nhưng không quy định thời hạn hoàn thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tuệ khẳng định đã thực hiện làm đường 1500m ven biển và xây dựng bờ kè. Đại diện bị kiện thừa nhận Công ty P có thực hiện nhưng không biết cụ thể. Quá trình thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, UBND tỉnh Hà Tĩnh chưa làm rõ vấn đề này và Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ xác minh tính xác thực của lời khai do ông Tuệ cung cấp, không tiến hành thẩm định để xác định kết quả mà Công ty P đã thực hiện là vi phạm Luật tổ tụng hành chính.

- Theo nhóm III: Các hạng mục hoàn thành từ quý IV/2012 đến quý IV/2013, bao gồm: Khảo sát lập bản đồ hiện trạng, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, rà phá bom mìn hoàn thành quý IV/2012 đến quý IV/2013 xây dựng và hoàn thành tất cả các hạng mục còn lại của dự án giai đoạn 1, đưa vào hoạt động 100%.

Theo quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất khu du lịch B không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số hạng mục của dự án nhưng ảnh hưởng đến việc điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đầu tư, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, đến thời điểm này

chưa có điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đầu tư, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, vì vậy, cần xem xét trách nhiệm của các bên.

- Quá trình thực hiện hồ sơ báo cáo và phê duyệt đánh giá tác động môi trường thấy: Ngày 23/11/2011, Sở TNMT tỉnh Hà Tĩnh nhận được Công văn số 18/BVMT ngày 20/5/2011 về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (kèm theo hồ sơ) về đầu tư dự án xây dựng khu du lịch B của Công ty P do Công ty cổ phần kỹ thuật tài nguyên và môi trường Nghệ Tĩnh làm tư vấn; Ngày 01/6/2011, Sở TNMT lại nhận Công văn 90/CV-CT/2011 (kèm theo hồ sơ) về đầu tư dự án xây dựng khu du lịch Bắc P của Công ty P do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên kỹ thuật tài nguyên và môi trường làm tư vấn. Tuy nhiên, diện tích quy hoạch 266,43 ha không thuộc thẩm quyền của Sở TNMT tỉnh Hà Tĩnh mà thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhưng ngày 24/11/2011 Sở TNMT mới trả hồ sơ cho Công ty P ảnh hưởng thời gian thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Mặt khác, ngày 23/12/2011 UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định số 4135/QĐ- UBND phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch sử dụng đất khu du lịch B diện tích quy hoạch 266,43 ha nhưng không điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư là nguyên nhân không thực hiện được đánh giá tác động môi trường. Công ty P đã nộp hồ sơ đánh giá tác động môi trường khu du lịch B, ngày 14/01/2013 Cục Thẩm định và đánh giá tác động môi trường thuộc Tổng Cục Môi trường Bộ Tài nguyên và Môi trường Thông báo ngày 07/01/2013, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được tổ chức phiên họp chính thức và nhất trí thông qua, với điều kiện sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng. Mặt khác, như nhận xét phần [1] nêu trên thì việc UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư không có báo cáo đánh giá tác động môi trường là không đúng.

Ngày 20/12/2013, UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định số 4160/QĐ-UBND «Chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư» khi chưa kết thúc thời hạn hoàn thành hạng mục Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Điều 6 Giấy chứng nhận đầu tư (quý IV/2013).

Như vậy, UBND tỉnh Hà Tĩnh và Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá toàn diện vụ án xác định Công ty P có lỗi trong việc không hoàn thành Báo

cáo đánh giá tác động môi trường để chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư là không đúng.

+ Về việc cấp phép xây dựng:

Theo Điều 58 Luật đầu tư 2005 thì thực hiện dự án đầu tư có xây dựng thì việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình và bảo vệ môi trường.

Theo quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 8 của Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp phép xây dựng và quy định điểm c, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 18/4/2011 thì Báo cáo đánh giá tác động môi trường là cơ sở để cấp phép xây dựng. Như vậy, đến thời điểm này Công ty P chưa được cấp phép xây dựng nhưng lỗi không thuộc về Công ty P.

+ Về rà phá bom mìn: Theo Công văn 567/LĐ-PTM (BL 89) ngày 12/6/2015 của Lữ đoàn 414 thuộc Quân khu 4 thì ngày 25/6/2012, Công ty P ký hợp đồng với Lữ đoàn 414 về việc thi công dò tìm và xử lý bom mìn, vật nổ trên diện tích 335ha, với giá trị 10.500.000.000 đồng, hai bên đã hoàn thành nghiệm thu khối lượng công việc vào tháng 8/2012.

[5]. Về tố tụng: Công ty P kháng cáo về việc phân công, thay đổi thẩm phán giải quyết vụ án không quy định Luật tố tụng Hành chính, quá trình giải quyết thẩm phán chủ tọa liên tục bỏ ra ngoài (khoảng 30 phút). Tại phiên tòa người khởi kiện cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét tài liệu chứng cứ do người khởi kiện cung cấp, tài liệu trong vụ án không phải là tài liệu gốc. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Công ty P rút yêu cầu kháng cáo về vấn đề này. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

[1]. Chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển P.

[2]. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HCST ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[3]. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

[4]. Án phí: Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển P không phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP, Hn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường